

Đạo hiếu là gì ?

hiếu theo quan niệm thời xưa khác thời nay như thế nào ?

Các bạn biết chữ Hán thấy rõ: Chữ "Hiếu" là chữ viết tắt của hai chữ "Lão" ở trên (lướt bớt phần dưới) và chữ "Tử" ở dưới. "Hiếu" tức là mối quan hệ cha trên, con dưới; suy rộng ra là đạo nghĩa của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Đọc bài "Đạo hiếu" của Nhất Thanh (Tr.331 cuốn "Đất lề quê thói"- NXB Đồng Tháp) cùng với một số bài nói về lễ Mừng lão, Yên lão, tôi rất nhất trí và không lặp lại, chỉ xin nói thêm vài lời. Đạo hiếu xuyên suốt trong mọi phong tục của nhân dân ta, không thể không nói đến chữ hiếu khi viết về phong tục cổ truyền của ta. Lễ tế, lễ tang, lễ cưới, kể cả sinh đẻ, xây nhà dựng cửa, hội hè đình đám, việc nước, việc làng, thuần phong mỹ tục đã đành mà trong số những phong tục đã lỗi thời, ngày nay bị xếp vào loại đồi phong bại tục, ta cũng chất lọc được một phần tinh hoa của đạo hiếu.

"Hiếu" là thiên kinh địa nghĩa, là gốc của mọi đức tính. Ca dao tục ngữ đã nói nhiều, ngay trong bài học vỡ lòng, trong "Luân lý giáo khoa thư" các em đã hiểu: "Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"... Những chân lý đó, ai không chấp nhận, song quan niệm về chữ "Hiếu" ngày nay cũng có phần khác thời xưa.

Tôi không dám lên mặt dạy đời, chỉ xin thuật lại một buổi tranh luận trong nội bộ gia đình tôi: Trước hết tôi hỏi "Hiếu" là gì? Cháu nhanh nhẩu trả lời: "Hiếu" là hiếu với dân, Bác Hồ khuyên "Trung với nước, hiếu với dân". Đài báo cũng nhắc luôn: "Hiếu với dân, tức là cán bộ phải chăm lo cho dân, đừng ăn hôi lộ, đừng hách dịch với dân".

- "Việc hiếu" là gì?

- "Việc hiếu" là việc ... là việc... là việc cán bộ chăm lo cho nhân dân mà không ăn của dút, không... Đến đây cháu lúng túng. Thằng con út tôi trả lời thay:

- "Việc hiếu" là việc đưa đám ma, vì hôm trước, đưa đám ma xong, ông hàng xóm đứng lên cảm ơn thân bằng cố hữu đã giúp gia đình lo xong việc hiếu....

Đến đây, được chú em tôi phụ họa thêm:

- Cháu nói có lý đấy anh ạ! "Việc hiếu" là việc đối với người chết, cho nên người ta thường nói "Hiếu", "Hy", tức là chỉ việc tang, việc cưới. Nhưng cháu ạ, việc hiếu phải ba năm chứ không phải đưa ma xong là xong đâu! Đến như tiền sĩ Lý Trần Quán, một người tận trung tận hiếu cuối triều Lê, trước khi chết còn viết đôi câu đối "Tam niên chi hiếu dĩ hoàn. Thập phần chi trung vị tận" (Chữ "Hiếu" 3 năm đã xong, chữ "Trung" mười phần chưa trọn).

- Hiếu đối với người chết, còn đối với người sống thì sao? "Sự tử như sự sinh" kia mà?

- Ồ, anh muốn biết con anh có hiếu hay không, xin anh hãy ráng chờ sau khi anh chết sẽ rõ. Ca dao có câu "Khi sống thì chẳng cho ăn. Đến khi chết xuống làm văn tế ruồi". Thời xưa còn thế nữa là bây giờ. Nhưng anh cũng đừng lo ruồi ăn hết phần, vì thanh niên ngày nay có biết đọc văn nữa đâu mà tế ruồi. Đến đây lại chuyển sang mục tranh cãi giữa tôi và chú em về quan niệm chữ "Hiếu" thời xưa và thời nay.

- Thời nay lớp trẻ chẳng biết "Chín chữ cù lao" là cái gì. Công ơn mang nặng đẻ đau, nuôi con khôn lớn tốn bao nhiêu tâm lực, đến nay chúng nó có lớn mà chẳng có khôn.

- Tôi phản nản - Đã thế còn hỗn láo, bướng bỉnh...

- Đó chẳng qua là cái món nợ đồng lần, mình nuôi con rồi nuôi cháu cũng thế. Lớp trẻ bây giờ nhiều người nói ngược: "Sinh ra ta, nuôi ta lớn lên, đó là trách nhiệm của các ông bà bố mẹ". Có đứa còn trách bố mẹ: "Sao người ta ăn sung mặc sướng, được chiều chuộng. Bố mình thì "Khất khe", "Ky bo" mà còn kể ơn huệ!" - Chú em tôi kể thêm.

Đối với những ông bố bà mẹ có những đứa con như vậy, quả thật là bất hạnh, song cũng phải khẳng định số người đó rất ít, và lại khi đến tuổi trưởng thành, được tiếp thu sự giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội và qua khảo nghiệm thực tế của cuộc đời, chúng sẽ thay đổi tính tình. Bố mẹ bao giờ cũng sẵn sàng tha thứ, nước mắt chảy xuôi là lẽ thường tình.

Bàn đến câu ca dao: "cá không ăn muối cá ương, con cãi cha mẹ trăm đường con hư", rồi "Trúng khôn hơn vịt"... được dịp, con cả tôi xen vào:

- Con xin phép cha mẹ và chú, con cãi cha mẹ không phải trăm phần trăm con hư cả. Nếu cho mẹ nghĩ sai làm sai, con can ngăn thì đó có phải là bất hiếu đâu!

Ông chú gật gù tán thành:

- Cháu nói có lý. Câu "Con cãi cha mẹ trăm phần con hư" chỉ đúng khi đứa con còn thơ ấu, chứ khi đã trưởng thành có nhiều cô cậu còn khôn hơn cha mẹ. "Con hơn là nhà có phúc" mà ! Thời đại ngày nay, khoa học kỹ thuật tiến vùn vụt, tư duy chính trị, kinh tế bây giờ cũng đổi mới mà cánh già chúng ta thường hay thủ cựu, bảo thủ cố chấp. Ấu cũng là mâu thuẫn giữa hai thế hệ...

- Theo chú, câu tục ngữ "Có con tội sống, không có con tội chết" có đúng không?

- Đúng thời xưa nhưng không đúng thời nay. Thời xưa có câu "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" (có 3 điều bất hiếu với cha mẹ, trong đó không có con là điều nặng nhất). Cha mẹ ông bà tuy đã qua đời nhưng không còn sống trong ta, nếu ta không có con thì sau khi ta chết, ta cũng làm tiêu tan nốt giòng máu của bao đời tổ tiên, ông cha lưu lại. Nhưng còn tội sống thì sao ? Có ít người cho rằng nuôi con chẳng qua chỉ mang thêm tội vạ. Đã vậy sao nhiều người ghét con lại thương cháu. Có lẽ họ nghĩ rằng con họ đã không nối được nghiệp cha ông thì hy vọng cháu mình sẽ nối.

Trong cuốn "Một nghìn lẻ một đêm" một nhà thông thái đã trả lời đám đông: "Nỗi khổ nhất và dai dẳng nhất trên đời là có đứa con hư". Nhưng còn một mặt khác, mà là mặt tích cực và phổ biến "Con khôn nỡ mặt mẹ cha" "Một con một cửa", có ai từ. Gặp nhau người ta hỏi thăm nhau: "Mấy trai mấy gái rồi ?", chứ có hỏi: "Mấy cửa rồi ?" đâu. Còn như câu "Trẻ cậy cha, già cậy con" ngày nay liệu còn đúng không ? Nhân nhắc đến những gương hiếu kính thời xưa được nhà vua ban biển vàng như thời vua Lê Huyền Tông cách đây gần ba trăm năm (1663-1671), ban biển đỏ với bốn chữ vàng "Hiếu hạnh khả phong" như thời vua Hàm Nghi cách đây hơn một trăm năm (1885-1888) chú em tôi thắc mắc có tính chất gợi ý: "Thời nay thiếu gì gương hiếu kính sao từ trung ương đến địa phương chưa thấy có hình thức khen thưởng biểu dương gì ?. Trong quyển "Nhị thập tứ hiếu" có Lục Tích người quận Cửu Chân mới 6 tuổi đến nhà họ Viên ăn tiệc xong dẫu quả quýt mang về cho mẹ Quận Cửu Chân là đất Thanh Hoá ngày nay. Lục Tích cũng được liệt trong số "Thảo hai mươi bốn, thơm nghìn muôn thu", sao trong sử sách ta, không thấy nói đến.

Ông chú vừa dứt lời, cậu con trai thứ của tôi xen ngay :

- Tưởng ai nổi danh, chứ như Lục Tích giấy quýt về cho mẹ cũng đưa vào sử sách, thì ở nước ta giấy mực đâu mà thống kê cho hết, ở một vùng cũng đến hàng ngày hàng vạn người. Ngay như cháu đây, lúc nhỏ cùng đi ăn giỗ với chú ở nhà thờ họ, hẳn chí còn nhớ, lúc đó cháu mới bốn, năm tuổi, cháu còn nhớ chú xé sẵn cho cháu một tãi lá chuối trước khi ăn cỗ, thế rồi phần giò, phần nem, chả, xôi, hoa quả của cháu, cháu đều gói cả lại mang về phần mẹ, phần em, mặc dầu cháu rất thèm, cháu hơn hẳn Lục Tích chứ chú !

Nghe con nhắc lại chuyện cũ, vợ tôi nhoen miệng cười gật đầu tán thưởng. tôi liếc thấy vợ tôi còn rơm rớm nước mắt vì cảm động.

Cậu con thứ của tôi, bỗng quay lại phía chú, đột ngột hỏi:

- Vua ban bằng "Hiếu hạnh" gì gì đó có đúng đối tượng không chú ? Hay lại nghe dưới râu tóc lên, chỉ phong cho bọn lăm lăm tiền, khéo nịnh, để được ăn khao cho to ? Chú ạ, ngày xưa các cụ ngọc lẫm "Đức Đại thánh họ Ngu vua Thuần" thì đúng là không khôn: hiếu với cha mẹ đã đành một nhẽ, chứ với mụ gì ghê cay nghiệt như kiêu mẹ con Cám, gặp phải cháu thì ăn đám chứ đừng hòng "Trăm cay đắng một niềm ngon ngọt". Đời nhà ai, có người chôn con nuôi mẹ như Hán Quách Cự mà cũng được "Thơm nghìn muôn thu". Đáng lý ra triều đình phải ngheiêm trị tội giết người, hơn nữa lại là tội giết hại trẻ con. Cuối cùng chú em tôi quay sang hỏi tôi:

- Theo ý anh, thế nào là "Có hiếu", thế nào là "Bất hiếu". Giữa hai đứa con, anh chọn đứa nào, một như cháu đây: Con nhà nghèo, mới 4, 5 tuổi đã biết giành phần ngon về biếu mẹ, một là đứa giàu sang, không đúng ngày giỗ cha cũng lấy cơ bịa ra ngày giỗ, cỗ bàn linh đình để khoản hiếu, trong khi đó thì hắt hủi người mẹ quê mùa, lam lũ nghèo hèn như trong chuyện "Báo hiếu cha" của Nguyễn Công Hoan. Thế nào, giữa "Lục Tích nhà ta" mặc dầu có lúc còn hỗn láo bướng bỉnh và nhân vật "Chủ hăng ô tô con cạp" của Nguyễn Công Hoan, anh chọn đứa nào ?

Dừng như để tránh dung dưỡng cho những điều không phải, chú em tôi quay lại, nhỏ nhẹ bảo cháu:

- Cháu ạ, cháu có thể tranh luận với cha mẹ nhưng phải lễ độ, từ tốn, phải biết lựa lời, chọn lúc, tuyệt đối không được có thái độ nóng nảy, cáu gắt, hỗn láo, nhất là khi có khách, khi ra đường, giữa công chúng, hoặc trước mặt vợ con, đừng để ông bà trên bàn thờ quở mắng bố mẹ cháu rằng không biết dạy con; đừng để vợ con cháu, em út cháu khinh nhờn bố mẹ cháu, tất nhiên cũng khinh nhờn cả cháu. Sau này cháu sẽ rõ: có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.

Từ này đến giờ nhà tôi chỉ ngồi nghe, bây giờ mới lên tiếng: "Nghe cha con, chú cháu nhà ông nói thì ai cũng có lý"!

Xin mượn câu đó làm câu kết cho bài này.

Tục khao lão

Bây giờ đến bậc ăn dung nhĩ, Có rượu thì ông chống gậy ra. (Nguyễn Khuyến)

Lên lão cũng phải khao. "Khao lão" không khó khăn như khao vị thứ đình trung. Lo đủ lệ là được, có mời thì mời phe giáp hay thôn xóm khác đến, vì lên lão là quyền đương nhiên không phải cậ cạnh. Những nhà giàu có thường nhân dịp bày tiệc mừng thọ tế lễ, ăn uống linh đình. Tế sống cha mẹ, có văn chúc thọ với ban tư văn hành lễ trợ tế. Cha mẹ ngồi phía trong, con trái, gái, dâu, rể, cháu chắt, phân thứ bậc trên dưới đứng hai bên, nam bên trái, nữ bên phải, làm lễ tế ba tuần rượu, có tấu nhạc trọng thể, vui vẻ. Tế sống cha mẹ mỗi lần hai lạy, khác tế thần, tế tổ mỗi lần bốn lạy. ở đất văn vật, bài văn tế chúc thọ thường là cả một công trình bút mực,

có khi người trong vùng nô nức đến xem tế và nghe đọc văn.

Có đám mừng thọ mời bà con họ hàng làng tổng, tiệc tùng hát xướng hai ba bốn ngày.

"Phú quý sinh lễ nghĩa", có nhiều nhà làm lễ mừng thọ cha mẹ lên lão 70,80,90 tuổi...Không phải tục lệ bắt buộc, giàu có bày ra thiết đãi mời mọi người đến chia vui với mình, đồng thời làm vui lòng cha mẹ, tưởng cũng là một tục hay, có thể khiến cho những kẻ nhẹ tình hiếu thảo, không lo phụng dưỡng cha mẹ cho được tuổi thọ như người, phải lấy làm suy nghĩ và hổ thẹn.

yến lão

"Yến" là tiệc rượu. Nhiều làng có tục yến lão, hàng năm hay hai ba năm một lần, thiết tiệc mừng thọ các quan lão. Có thể nói đây là một thịnh điển thời thái bình, không phải là một hủ tục đã gây nên nhiều tệ đoan như tục ngồi thứ hương ẩm. "Sống lâu lên lão làng", tự nhiên có vinh dự tuổi thọ, không phải tranh dành mới có, chẳng phải có tiền mà mua được, có quyền thế mà tạo nên được.

Mỗi năm cứ đến dịp làng mở hội hoặc ngày đại lễ có định kỳ, các quan lão tụ hội ở chùa hay nơi công quán hay một đương cai, làng đem cờ quạt với phường bát âm đến rước ra đình. Những làng trù phú thường sắm đủ vòng lông rước lão, lão 100 tuổi đi vòng điều che bốn lông xanh, lão 90 tuổi đi vòng điều hai lông xanh, lão 80 tuổi vòng xanh (đòn cong) một lông, lão 70 vòng xanh (đòn ống) một lông. Trai tráng cầm cờ khiêng vòng đều nón dẫu áo nẹp. Đám rước rất trọng thể.

Tại đình làng, nơi giữa thiết lập bàn thờ tiên lão, các quan lão ngồi hai gian bên theo thứ bậc tuổi, có làng yến cả lão bà thì gian trái lão ông ngồi, gian bên phải lão bà ngồi.

Tuỳ theo lệ làng, có nơi lão 90 tuổi hoặc lớn hơn nữa ngồi một mình chiếu nhất, có nơi chưa đến 60 tuổi đã là bậc cao niên nhất, cũng ngồi một mình chiếu nhất.

Tế lão cũng đủ nghi thức như tế thần, ba tuần rượu với văn tế tiên lão, văn chúc thọ quan lão, có ban tư văn hành lễ, phường bát âm tấu nhạc.

Lúc tế, quan lão ngồi trước những mâm cỗ đặt giữa chiếu, chỉ uống rượu suông không ăn, là thủ ý trang nhã, trịnh trọng đối với dân làng, ngồi chứng kiến cuộc lễ diễn hành và chăm chú nghe văn tế, văn chúc thọ. Những mâm cỗ kia sẽ được mang đến từng nhà biếu các cụ.

Cỗ yến lão thường là rất thịnh hậu cả về phẩm lẫn lượng, có nơi mỗi cỗ hai bánh dày, hai bánh chưng với những món giò, nem và nhiều thứ bánh khác làm rất công phu.

Chiếu nhất, một cụ ngồi thì được biếu cả một cỗ gọi là cỗ một, chiếu nhì, hai cụ ngồi là cỗ đôi thì được biếu mỗi cụ một nửa cỗ, những cỗ dưới là đồng hạng cứ bốn cụ một cỗ.

Từ ngàn xưa, những khi có việc làng, không hề có bóng phụ nữ nơi đình trung. Ngày yến, sự hiện diện của các lão bà đem lại cho dân làng một cảm giác đặc biệt vui vẻ đầm ấm.

Mỹ tục yến lão là do đạo hiếu mà ra, một đặc tính dân tộc, có ý nghĩa rất trọng hậu, trẻ vui đạo trẻ, già vui tuổi già, trái ngược hẳn với cái thảm cảnh ở mấy nước văn minh cường thịnh cứ đến tuổi già là bị liệt vào hạng người vô dụng, ăn hại xã hội, con cháu ít chăm nom, người đời lạnh nhạt.

Lúc vẫn niên, tóc bạc da mồi, với cuộc sống buồn tẻ nơi thôn dã năm tháng trôi, các cụ hẳn cũng cảm thấy sung sướng đã được cả làng tỏ tình quý trọng, quý trọng rất mực trong cuộc rước đón những buổi yến ẩm, con cháu các cụ thì được hãnh diện là gia đình có phúc mới được tuổi thọ, cho nên nhiều nhà, dù nghèo cũng ráng may sắm cho ông bà đi dự yến.

Cụ thì mũ ni nhung đen, áo vóc đại hồng, cụ thì khăn nhiễu tam giang, giấy văn hài, cụ thì áo đoạn huyền quần lụa bạch, có những cụ nhà bần hàn, quanh năm quần nâu áo vải lúc này cũng quần chúc bầu, áo the thâm, áo lạng chéo go, dép mới thay quai... Y phục tùy hoàn cảnh mỗi nhà, không có lệ định nào, chỉ trừ màu vàng của nhà vua, quan dân đều không được mặc

Trước ngực, dưới vòng dây thao quàng cổ là túi gấm màu lam, màu huyền đựng trà, thuốc, cối, chày...

Đám rước quan lão, y phục màu sắc như vậy với võng lọng cờ quạt, vừa gọi cảm. Những nhà từ mấy đời không hề có ông cha được dự, không khỏi bồi ngùi tiếc thương người đã khuất, không khỏi thêm muốn ước mong cho gia đình đời nay và đời sau.

Tạo sao những năm gần đây có phong trào khôi phục việc họ

Từ năm 1975 lại nay, nhất là những năm gần đây. Từ Bắc chí Nam đều có phong trào khôi phục việc họ, với nội dung: Diễn dịch, biên soạn, phổ biến gia phả, sửa sang tôn tạo tổ mộ, từ đường tổ chức tế tự, giỗ tổ hàng năm và gắn bó tình cảm gia tộc hơn trước. Đó là một phong trào tự phát, chưa có một văn bản chỉ thị nào của cơ quan trung ương địa phương, hay ngành văn hoá có hướng dẫn khuyến khích. Vậy nhân tố nào chỉ đạo, thúc đẩy phong trào lan rộng nhanh như vậy ?

Đây là quy luật phát triển xã hội khách quan .

Trong thời kỳ kháng chiến. Mọi người dân, trên cương vị của mình đều phải dồn toàn bộ tâm sức vào sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc, mọi người khi đó còn phải lo những vấn đề bức xúc nhất : ịn ở, sống chết ... và những việc không thể đình hoãn được. Sau khi hoà bình, cuộc sống vật chất đã tương đối ổn định thì nhu cầu về đời sống tinh thần văn hoá lại nổi lên. Việc đi lại, thăm viếng nhau trong gia đình họ hàng thân thuộc, việc cùng cố, gắn bó mối quan hệ gia tộc, việc thờ phụng tổ tiên, ông bà, cha mẹ từ ngàn xưa đã trở thành tâm linh của mọi người. Đây là một lĩnh vực quan trọng trong đời sống văn hoá và tư tưởng.

Dưới bất kỳ xã hội nào, dù xu hướng chính trị, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, tình cảm gia đình vẫn vậy. Tình gia tộc là khái niệm mở rộng của tình gia đình, máu thoảng hơn nước lã. Đó là tình cảm tự nhiên mọi người đều thừa nhận .

Vì vậy. Khôi phục việc họ là việc làm hợp với tâm tư của số đông nhân dân, một người đề xướng được trăm người hưởng ứng. Đó cũng là thuần phong mỹ tục.

quan hệ giữa họ hàng và làng xã như thế nào

Phục hồi việc họ lợi hay hại ?

Phục hồi việc họ là một cách đúng đắn, vô tư, tức là phát huy được thuần phong mỹ tục. Nếu cán bộ sở biết khéo léo vận dụng đường lối, loại trừ được 3 chiều hướng tiêu cực sau đây thì càng có nhiều dòng họ vững mạnh càng có lợi cho phong trào chung:

- Ngăn ngừa một số phần tử lợi dụng tình cảm họ hàng thân thuộc để kéo bè, kéo cánh.
- Phục hồi việc họ, đồng thời nhân đó phục hồi luôn cả những thủ tục, mê tín dị đoan.
- Dựa vào thế có người nhà, người trong họ có chức có quyền để bóp méo luật pháp, làm ăn sai trái.

Ngoài ra, nếu tổ chức hội hè đình đám không đúng lúc, đúng chỗ gây lãng phí, nhiều thì giờ và tiền của, ảnh hưởng đến công việc, thời vụ sản xuất, thì nên khéo léo hướng dẫn hạn chế mặt tiêu cực.

Họ hàng thành đạt thì làng xã phần vinh .

Trước Cách Mạng Tháng Tám, bộ máy hương lý có quyền điều hành những công việc về hành chính, pháp lý, trật tự trị an, còn những việc xây dựng nông thôn, chấn hưng phong hoá như làm đường sá, đào giếng, sửa sang đình chùa, hội hè ... hội đồng hào mục muốn huy động công sức, tiền của của dân phải dựa vào các họ, nên mỗi xã, thôn có một Hội đồng tộc biểu bao gồm những người có vai vế trong các họ. Chỉ những vị đó mới có khả năng vận động con cháu trong các họ ra làng xã làm những việc công ích.

Phục hồi việc họ, nếu được hướng dẫn đúng đắn sẽ có lợi nhiều mặt đối với phong trào địa phương:

- Phục hồi luân lý, đạo đức kỷ cương xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới.
- Góp phần trong việc giáo dục tư tưởng cha mẹ hiền từ, con trung hiếu, cháu thảo hiền, nuôi con khoẻ, dạy con ngoan.
- Vận dụng kinh nghiệm của các họ thời xưa, có đặt bình diên, học diên, tổ chức lễ họ, hội tương tế. Vận động đặt các giải thưởng cho con cháu trong họ học khối, lên lớp, lên cấp, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nêu cao ý thức tôn trọng người già, thương yêu giúp đỡ người cơ nhỡ, ốm đau, tàn tật ...
- Nếu khéo tổ chức, các họ còn có thể có tủ sách, câu lạc bộ văn hoá ...

ruộng hương hỏa có ý nghĩa gì ?

"Ruộng hương hỏa " là ruộng dành riêng giao cho tộc trưởng lo việc phụng thờ hương khói cho cha ông, tổ tiên. Ruộng hương hỏa lưu truyền từ đời này sang đời khác. Ruộng hương hỏa không được chia, không được bán. Luật phong kiến cấm bán ruộng hương hỏa. Chừng nào cánh cửa trường không còn người nối dõi tông đường hoặc đi biệt xứ xa quê, họ khuyết tộc trưởng thì người con trưởng hoặc đích tôn thừa trọng của cánh hai lên thay, tiếp tục hưởng ruộng hương hỏa và lo việc giỗ tết hương khói. Chừng nào toàn bộ con cháu trong họ đều phiêu cư bạt quán (con gái không được tính đến) thì người cuối cùng đang hưởng hương hỏa nếu có khó khăn đặc biệt làm đơn xin bán, lý trưởng nào làm sai luật lệ trên sẽ bị quan xử phạt, nếu trong họ có người thừa kiện.

Vì có ruộng hương hỏa nên việc tế tự được duy trì bền vững, dù họ lớn hay bé, thành đạt hay bình thường, dù tộc trưởng giàu hay nghèo, sang hay hèn, già hay trẻ (có khi mới chỉ là đứa bé con năm bảy tuổi), việc tế tự vẫn uy nghi đông đủ.

vai trò tộc trưởng xưa và nay khác nhau như thế nào ?

Ngày xưa việc họ là cứ vào tộc trưởng. Họ lớn có tộc trưởng họ lớn; các chi có trưởng chi . Tộc trưởng có quyền lợi, nghĩa vụ rõ ràng. Ruộng hương hỏa và tự điền có nhiều thì lễ to, nhà thờ họ lớn, tế khí đầy đủ và ngược lại. Khi vào tế lễ, tộc trưởng đầu còn trẻ tuổi vẫn là chủ tế, các ông chú dẫu cao tuổi vẫn là bồi tế. Nếu nhỏ quá thì một ông chú kế trưởng thay thế, cũng như ông vua trẻ chưa thành niên có phụ chính đại thần.

Thời nay ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, không còn ruộng hương hỏa, không còn chế độ thu tô như trước, quyền lợi của tộc trưởng hoặc người thay tộc trưởng, đối với tổ tiên và họ hàng cũng tùy thuộc vào nhận thức; tâm tư, trình độ hiểu biết, hoàn cảnh sinh sống của từng người, không có một chế độ quy định nào ràng buộc. Có nhiều họ, tộc trưởng ngụ cư hoặc không thoát ly công tác ở phương xa cũng không giao (hoặc không giao được) việc họ cho ai. Trong hoàn cảnh đó, việc hương khói tế tự tổ tiên và quan hệ họ hàng bị phê khoáng.

Thế theo nguyện vọng, tâm tư, tình cảm " Uống nước nhớ nguồn ", ngày giỗ ngày tết con cháu muốn dâng lên Tổ tiên bát nước, nén hương. Để bổ cứu tình trạng trên nhiều họ đã có sáng kiến thành lập một hội đồng gồm những người có uy tín, nhiệt tình trong họ để chăm lo việc họ. Chưa có một văn bản hay có một tiền lệ nào qui định đó là ban nghi lễ. là hội đồng gia tộc hay hội đồng tộc biểu ...

Trước mắt, họ nào mạnh hay yếu, thành đạt hay suy vi, tình cảm họ hàng gắn bó hay không, tác động tốt xấu tới phong trào chung, còn tùy thuộc vào nhiệt tình, khả năng tổ chức lãnh đạo của một số cá nhân, đóng vai trò chủ chốt, chứ chưa có một cơ chế nào bảo đảm sự bền vững lâu dài.

Trong thời kỳ kháng chiến con cháu tản mác, nhiều họ bị phế khoáng không còn cơ sở vật chất để chăm lo từ đường hương hỏa. Từ sau hoà bình, thống nhất đất nước, một số họ được khôi phục nhưng vì " Duy ý chí ", nên phong trào loé lên một thời gian ngắn rồi lụi dần. Không còn ruộng hương hỏa của tổ tiên để lại thì con cháu đóng góp tiền gửi vào quỹ tích kiệm để lấy lại hàng năm mà lo hương khói. Nhưng rồi do trượt giá, một vài yếu tố khách quan nữa tác động, hương khói cũng nguôi dần. Đó là nỗi lòng trăn trở nhất của những con cháu muốn kế tục sự nghiệp cha ông, muốn làm cho anh linh tổ tiên, cha ông, muốn cho dòng họ ngày càng thành đạt.

bàn thờ vọng là gì? cách lập bàn thờ vọng

Bàn thờ vọng ngày nay khá phổ biến, áp dụng cho con cháu sống xa quê, hướng vọng về quê, thờ cha mẹ ông bà tổ tiên, hương khói trong những ngày giỗ, tết. Ngày xưa, với nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp, người nông dân suốt đời không rời quê cha đất tổ, chuyển cư sang làng bên cạnh cũng đã gọi là biệt quán, ly hương, vì vậy bàn thờ vọng chỉ là hiện tượng cá biệt và tạm thời, chưa thành phong tục phổ biến. "Vọng bái", nghĩa là vái lạy từ xa. Ngày xưa, khi triều đình có những điển lễ lớn, các quan trong triều tập trung trước sân rồng làm lễ, các quan ở các tỉnh hoặc nơi biên ải, thiết lập hương án trước sân công đường, thắp hương, nén, hướng về kinh đô quỳ lạy Thiên tử. Khi nghe tin cha mẹ hoặc ông bà mất, con cháu chưa kịp về quê chịu tang, cũng thiết lập hương án ngoài sân, hướng về quê làm lễ tương tự. Các bàn thờ thiết lập như vậy chỉ có tính chất tạm thời, sau đó con cáo quan xin về cư tang ba năm (xem bài Lễ Cư tang). Các thiện nam tín nữ hàng năm đi trả hội đền thờ Đức Thánh Trần ở Vạn Kiếp, đức Thánh Mẫu ở Đền Sòng v.v... dần dần về sau, đường xá xa xôi, cách trở, đi lại khó khăn, cũng lập bàn thờ vọng như vậy. Nơi có nhiều tín đồ tập trung, dần dần hình thành tổ chức. Các thiện nam tín nữ quyên góp nhau cùng xây dựng tại chỗ một đền thờ khác, rồi cử người đến bàn thờ chính xin bát hương về thờ. Những đền thờ đó gọi là vọng từ (thí dụ ở số nhà 35 phố Tôn Đức Thắng Hà Nội có "Sùng Sơn vọng từ" nghĩa là Đền thờ vọng của núi Sòng, thờ thánh Mẫu Liễu Hạnh).

Bàn thờ vọng ông bà cha mẹ chỉ được tập trung trong trường hợp sống xa quê. Những người con thứ, bất cứ giàu nghèo, sang hèn thế nào, nếu ở gần cánh cửa trường trên đất tổ phụ lưu lại, thì đền ngày giỗ, ngày tết, con thứ phải có phận sự hoặc góp lễ, hoặc đưa lễ đến nhà thờ hay nhà con trưởng làm lễ, cho dù cửa trường chỉ thuộc hàng cháu, thì chú hoặc ông chú vẫn phải thờ cúng ông bà tại nhà cửa trường. Do đó không có lệ lập bàn thờ vọng đối cửa thứ ngay ở quê nhà. Nếu cửa trường khuyết hoặc xa quê, thì người con thứ 2 thế trưởng được lập bàn thờ chính, còn bàn thờ ở nhà người anh cả ở xa quê lại là bàn thờ vọng. Phong tục rất hay và rất có ý nghĩa. Bởi lẽ chữ Hiếu đi đôi với chữ Đệ. Khi sống cũng như đã mất, ông bà cha mẹ bao giờ cũng mong muốn anh chị em sống hòa thuận, một nhà đầm ấm. Thỉnh vọng hồn về cầu cúng lễ bái, mà anh chị em ở gần nhau không sum họp, mỗi người cúng một nơi, thì đó là mâm mông của sự bất hoà, vong hồn làm sao mà thanh thản được.

Cách lập bàn thờ vọng:

Chưa phải là phong tục cổ truyền, chưa có nghi lễ nhất định, mà chỉ là kinh nghiệm truyền cho nhau khoảng đầu thế kỷ lại nay tùy hoàn cảnh thuận tiện mà vận dụng: Khi bắt đầu lập bàn thờ vọng phải về quê chính báo cáo gia tiên tại bàn thờ chính. Sau đó xin phép chuyển một lư hương phụ hoặc mấy nén hương đang cháy dở mang đến bàn thờ vọng rồi thắp tiếp. Nếu có nhà riêng, tương đối rộng rãi khang trang, thì bàn thờ đặt hẳn một phòng riêng chuyên để thờ cúng cho tôn nghiêm, hoặc kết hợp đặt ở phòng khách, nhưng cao hơn chỗ tiếp khách. Nếu đặt bàn thờ gia thần riêng, thì phải đặt thấp hơn bàn thờ gia thần một ít. Đặt hướng nào? - Hướng về quê chính, để khi người gia trưởng thắp hương vái lạy thuận hướng vái lạy về quê. Thí dụ người quê miền Trung sống ở Hà Nội thì đặt bàn thờ vọng phía Nam căn phòng hay ngoài sân, ngoài hiên. Không nên đặt bàn thờ trong buồng ngủ, trừ trường hợp nhà chật hẹp quá thì phải chịu. Không nên đặt cạnh chỗ ứ tập, hoặc cạnh lối đi. Đối với những gia đình ở khu tập thể nhà tầng, nếu cầu nệ quá thì không còn chỗ nào đặt được bàn thờ. Những người sống tập thể, chỉ đặt một lọ cắm hương đầu giường nằm của mình cũng đủ, miễn là có lòng thành kính, chẳng cần phải cầu nệ hướng nào, cao thấp rộng hẹp ra sao.

hợp tự là gì ? Tại sao phải hợp tự ?

Hợp tự có nghĩa là : rước các tiên linh các đời vào thờ chung trong cùng một nhà thờ của đại tôn hay của từng tiểu chi.

Theo phong tục cổ truyền: Năm đời tống giỗ, hay "Ngũ đại mai thần chủ" (Đến 5 đời thì chôn thần chủ). Thực chất chỉ có bốn đời, tức là làm giỗ cha mẹ (đời 2), ông bà (đời 3), cụ ông cụ bà (hay cố 4 đời) và kỵ (hay can 5 đời). Cao hơn kỵ gọi chung là tiên tổ, thì không cúng giỗ nữa, mà rước chung tất cả thủy tổ, tiên tổ các đời vào chung một nhà thờ mỗi năm tế một lượt. Thần chủ con cúng cha mẹ, đề là Hiên khảo, Hiên tỷ, đến khi người con trưởng chết, cháu đích tôn cúng ông bà, đổi thần chủ là Hiên tổ khảo, Hiên tổ tỷ, đến lượt cháu trưởng mất, chất trưởng tiếp tục thờ cụ là Hiên Tằng tổ khảo (hoặc tỷ), chít (chịu)

trưởng thờ kỵ là Hiền Cao tổ khảo (hoặc tỷ). Sau năm đời thì rước vào nhà thờ tổ rồi chôn thần chủ đó đi. Trong nhà thờ tổ chỉ để duy nhất có một ngôi thần chủ cao nhất (thủy tổ hoặc tiên tổ bậc cao nhất của nhà thờ chi đó) gọi là "Vĩnh thế thần chủ".

Gộp chung tất cả tiên tổ của nhiều đời lại để tế chung thay cho từng lễ giỗ, đó là hình thức hợp tự cổ truyền. Song trong phong tục đó còn có nhiều điều bất tiện: Chỉ con trưởng, cháu trưởng, chất trưởng v.v...nổi dòng qua nhiều đời mỗi được thờ ở nhà thờ chính. Vì vậy con, cháu, chất những ông con thứ qua nhiều đời phải xây nhiều nhà thờ lớp con thứ, lớp cháu thứ, lớp chất thứ v.v...Nếu cứ thế tiếp tục mãi, thì có nơi số nhà thờ còn nhiều hơn cả số nhà ở của người dương trần. Chính vì lẽ trên, nên hồi đầu thế kỷ 20 đến trước CM Tháng 8-1945 ở nhiều nơi đã có phong trào tiến hành hợp tự vào các nhà thờ họ: Dầu cửa trưởng hay cửa thứ, sau khi mất, hết vòng tang, đều được rước linh vị vào thờ ở nhà thờ chung của họ. Linh vị xếp theo thứ tự trên dưới. Đến ngày giỗ người nào, thì đưa linh vị người đó vào hàng giữa theo thứ bậc, cúng xong lại xếp vào vị trí cũ. Việc hợp tự như vậy: trước là hợp với tâm linh, con cái ở dưới chân cha mẹ, cháu chất về với tổ tiên, tượng trưng sự đoàn tụ ở cõi âm, sau nữa thuận tiện cho việc chung sức, chung lòng xây dựng nhà thờ, mua sắm tế khí, quanh năm hương khói, gắn bó thêm mối tình ruột thịt trong nội thân. Song cũng có những gia đình, kinh tế dồi dào hơn, lại ở cách xa nhà thờ đi lại bất tiện, nên họ cúng riêng, tiện hơn, không hợp tự. Do đó, ngày nay nên vận động hợp tự, trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

gia phả là gia bảo có đúng không ?

Đúng và rất đúng với những người có ý thức tôn kính tổ tiên và quý trọng tình cảm họ hàng gia tộc. Gia phả là lịch sử của một dòng họ, một gia đình lớn. Thiết tưởng không cần phải nói nhiều về ý nghĩa mà mỗi cuốn gia phả của từng dòng họ đều đã nói rõ trong từng lời tựa. Đánh rằng cái ăn, cái mặc để nuôi sống gia đình và bản thân là việc hàng đầu. Nhưng có thấy nỗi day dứt của những người có tâm huyết muốn truyền cho con cháu biết đời cha mình do ai sinh ra, từ đâu đến, tổ tiên công đức ra sao, ngặt vì gia phả đã mất; có thấy được nỗi niềm của những người trú ngụ ở phương xa không được cha ông truyền cho biết gốc gác của mình từ đâu, họ hàng là ai, khi đó mới thấy đầy đủ ý nghĩa của hai chữ "Gia phả-Gia bảo". Giọt nước rất quý đối với người sống trên sa mạc, còn đối với người sống ven sông, để gì mỗi lần "Uống nước" lại phải "Nhớ nguồn".

Thời trước họ nào cũng có gia phả, có họ từng nhà còn có gia phả. Nếu vì thủy, hỏa, đạo tặc để mất vàng bạc- của cải gì thì mất, chứ không để mất gia phả. Ngặt vì gia phả ngày xưa viết bằng chữ Hán, hơn nữa từng chi từng nhà chỉ nổi phần trục hệ của chi mình, nhà mình, thẳng hoặc mới có một cuốn gia phả ghi đời tiếp nối của chi anh, chi em, đến đời hai đời ba là cùng, do đó nếu một chi mất gia phả thì chi khác không thể bổ cứu. Hiện nay, do mất gia phả nên nhiều họ tuy cùng ở với nhau trong một địa phương vẫn không biết nhau, không nhận được quan hệ họ hàng.

Về một ý nghĩa khác, gia phả sở dĩ gọi là gia bảo vì đó là lịch sử của tổ tiên nhiều đời truyền lại, là điều tổ tiên muốn gửi gắm lại cho đời sau. Bất cứ họ nào, bất cứ con người nào trong họ, có tài năng lỗi lạc đến đâu, cá nhân cũng không thể viết được toàn bộ gia phả mà chỉ có kế thừa đời trước và truyền dẫn đời sau. Gia phả các họ là các nguồn bổ sung tư liệu rất quý, rất dồi dào cho quốc sử, nếu các nhà sử học biết khai thác cũng có khả năng từ gia bảo trở thành quốc bảo.

gia phả hoàn chỉnh có những mục gì ?

Gia phả được coi là hoàn chỉnh trước hết phải là một gia phả được ghi chép rõ ràng, chữ nghĩa chân phương có ghi rõ tên người sao lục, biên soạn thuộc đời thứ mấy, năm nào, triều vua nào, căn cứ vào bản nào, tên người tục biên qua các đời cũng có cước chú rõ ràng. Đầu gia phả có lời tựa ghi được nguồn gốc xuất xứ của thủy tổ có cứ liệu thành văn hay truyền ngôn.

Mở đầu là thủy tổ, lần lượt đến tiên tổ các đời, nổi dòng đến lớp con cháu mới sinh.

Đối với tiền nhân có các mục sau đây:

- Tên: Gồm tên húy, tên tự, biệt hiệu, thụy hiệu và tên gọi thông thường theo tập quán địa phương? Thuộc đời thứ mấy?

- Con trai thứ mấy của ông nào? Bà nào?

- Ngày tháng năm sinh (có người còn ghi được cả giờ sinh).

Ngày, tháng, năm mất? Thọ bao nhiêu tuổi?

- Mộ táng tại đâu? (có người ghi được cả nguyên táng, cải táng, di táng tại đâu? Vào tháng, năm nào?).

Học hành, thi cử, đậu đạt, chức vụ, địa vị lúc sinh thời và truy phong sau khi mất: Thi đậu học vị gì? Khoa nào? Triều vua nào? Nhận chức vị gì? năm nào? Được ban khen và hưởng tước lộc gì? Sau khi mất được truy phong chức gì? Tước gì? (Đối với những vị hiển đạt thì mục này rất dài. Ví dụ trong Nghi Tiên Nguyễn gia phả, chỉ riêng Xuân quận công Nguyễn Nghiễm, mục này đã trên mười trang)

- Vợ: Chánh thất, kế thất, thứ thất...

Họ tên, con gái thứ mấy của ông nào, bà nào? Quê ở đâu? Các mục ngày, tháng, năm sinh, ngày, tháng, năm mất, tuổi thọ, mộ, đều ghi từng người như trên.

Nếu có thi đậu hoặc có chức tước, địa vị, được ban thưởng riêng thì ghi thêm.

- Con: Ghi theo thứ tự năm sinh, nếu nhiều vợ thì ghi rõ con bà nào? Con gái thì cước chú kỹ: Con gái thứ mấy, đã lấy chồng thì ghi tên họ chồng, năm sinh, con ông bà nào, quê quán, đậu đạt, chức tước? Sinh con mấy trai mấy gái, tên gì? (Con gái có cước chú còn con trai không cần vì có mục riêng từng người thuộc đời sau).

- Những gương sáng, những tính cách, hành trạng đặc biệt, hoặc những công đức đối với làng xã, họ hàng, xóm giềng...

Ngoài những mục ghi trên, gia phả nhiều họ còn lưu lại nhiều sự tích đặc biệt của các vị tiên tổ, những đôi câu đối, những áng văn hay, những bài thuốc gia truyền...đó là những tài sản quý giá mà chúng ta để thất truyền, chưa biết khai thác.

Những nội dung ghi trên chỉ có tính chất gợi ý với các bậc huynh trưởng các họ, đang chăm lo công việc phổ biến và tục biên gia phả dành cho con cháu đời sau. Còn phần trên gia phả hoàn chỉnh hay sơ sài, các cụ còn giành lại cho ta được bao nhiêu biết bấy nhiêu, ai dám sáng tác thêm? Tuy nhiên, nếu tìm được quốc sử, hoặc trong gia phả, thần phả khác những tư liệu liên quan thì có thể cước chú kỹ, giúp đời sau thêm sáng tỏ.